

Bản án số: 68/2017/HSST

Ngày: 11 – 7 – 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Sơn

Thẩm phán: Ông Hoàng Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Mã Văn Đầu

2. Ông Tống Quốc Tuấn

3. Ông Chu Văn Mốt

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Văn Đáo - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2017/HSST, ngày 26 tháng 5 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo: Nguyễn Văn L, sinh ngày 30/4/1993, tại K – H;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L1, xã Đ, huyện K, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn L3, sinh năm 1960 và bà Lưu Thị H1 (đã chết); có vợ: Đồng Thị L4, sinh năm 1991 và có 01 con, sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/9/2016 đến nay. Có mặt.

2. Bị cáo: Nông Văn T, sinh ngày 25/9/1988, tại V- S.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Phố 1, C, xã Y, huyện V, tỉnh S; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Tày; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: Nông Văn B (đã chết) và bà Hoàng Thị H2, sinh năm 1965; có vợ: Lãng Thị H3, sinh năm 1987 và có 01 con, sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/9/2016 đến nay. Có mặt.

Người bào chữa:

1. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn L: Ông **Chu Tiến D** – Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh S. Có mặt.

2. Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn T: Ông **Trần Xuân A** – Luật sư Văn phòng luật sư E thuộc Đoàn luật sư tỉnh S. Có mặt.

NHẬN THẤY

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Đầu năm 2015, Nông Văn T quen biết Nguyễn Văn L làm thuê tại Quảng Đông, Trung Quốc. Tháng 5/2016 L quen biết người đàn ông tên R, quê ở P, không rõ họ tên địa chỉ cụ thể. Qua nói chuyện R cho biết là có ma túy đá muốn bán và nhờ L tìm mối tiêu thụ, L đồng ý. Khoảng giữa tháng 7/2016 L làm quen và nói chuyện với người đàn ông tên N nhà ở G qua mạng, N đặt vấn đề với L là muốn tìm mua ma túy đá với giá 25.000.000đ/lạng, L nhận lời tìm ma túy cho N. Đến ngày 09/9/2016 L nói lại với R về việc N muốn mua ma túy, R đồng ý bán 400 gam ma túy cho N với giá như trên; R nói với L nếu bán được sẽ cho L 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Khoảng 13 giờ ngày 10/9/2016, R đưa cho L 04 (bốn) vỏ hộp sữa Trung Quốc và bảo bên trong có 400 gam ma túy đá. Sau đó L gọi điện thoại cho Nông Văn T bảo T đến nhà của L, tại đây L bảo T cùng vận chuyển số ma túy đã nói trên về Việt Nam để bán và hứa trả cho T 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền công. T đồng ý. Nông Văn T là người xách toàn bộ số ma túy đá trên đường từ Trung Quốc về Việt Nam. Khoảng 17 giờ cùng ngày, L và T đón xe khách từ Trung Quốc về Việt Nam qua cửa khẩu N về nhà nghỉ M số 334, đường Q, phường V, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; Nguyễn Văn L thuê phòng nghỉ 204 và 206, L ở phòng 204, T ở phòng 206. L mang 04 vỏ hộp sữa đựng ma túy nói trên sang phòng 206 và lấy một ít ma túy ra để sử dụng với T, số ma túy còn lại L dồn thành hai túi rồi cất giấu vào gầm giường phòng 206. Sau đó Nguyễn Văn L gọi điện thoại cho N và bảo N mang tiền đến nhà nghỉ M, L bảo T lấy ma túy cất dưới gầm giường phòng 206 mang sang phòng 204 cho N kiểm tra chất lượng. Sau khi xem và sử dụng thử ma túy, N đồng ý mua và bảo L mang ma túy xuống xe taxi dưới cổng nhà nghỉ cho N và lấy tiền. Sau đó N xuống trước, L bảo T mang ma túy xuống cổng nhà nghỉ giao cho N và nhận tiền, còn L chờ trên phòng 204. Khi Nông Văn T cầm số ma túy trên xuống đến sân nhà nghỉ ở tầng một thì bị lực lượng công an kiểm tra phát hiện bắt giữ, khi bị bắt T khai còn L đang ở trên phòng 204 nên lực lượng công an đã tiến hành bắt khẩn cấp đối với L khi L đang ở phòng 204 nhà nghỉ M.

Tại kết luận giám định số 292/KL-PC54 ngày 15/09/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: *“Chất tinh thể màu trắng có trong 02 (hai) túi nilon màu trắng gửi giám định đều là chất ma túy Methamphetamine có tổng trọng lượng là 380,16 gam (đã trừ bì)”*.

Đối với đối tượng tên R là người có ma túy giao cho L mang đi bán, bản thân L chỉ biết R quê P, ngoài ra không có thông tin nào khác nên cơ quan điều tra không đủ căn cứ xác minh làm rõ về đối tượng R để xử lý trong vụ án (BL 95-102; 105-107, 116-119).

Đối với đối tượng tên N là người mua ma túy của L và T, bản thân L chỉ biết N quê G, có số điện thoại 0971876182, ngoài ra không có thông tin địa chỉ cụ thể của N. Cơ quan điều tra đã xác minh số điện thoại trên được Tập đoàn viễn thông Quân đội Viettel cung cấp người đăng ký mang tên Đinh Văn Z, sinh ngày 31/01/1993, địa chỉ Y; tiến hành xác minh tại xã Y thì không có đối tượng nào có họ tên nào như trên đăng ký hộ khẩu và sinh sống trên địa bàn, do vậy cơ

quan điều tra không đủ căn cứ để khởi tố, điều tra đối với N trong vụ án (BL 76, 77, 83).

Cáo trạng số 46/VKS-P1 ngày 23/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Văn L và Nông Văn T về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng của Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 20 (Hai mươi) năm tù; xử phạt bị cáo Nông Văn T 20 (Hai mươi) năm tù; không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo; tiêu hủy vật chứng là ma túy và chiếc cân tiểu ly đã cũ; tịch thu sung công quỹ 02 (hai) điện thoại di động thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn L và bị cáo Nông Văn T; trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn L chiếc điện thoại nhãn hiệu Sony màu đen và 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) vì không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo đề nghị: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị kẻ khác rủ rê lôi kéo, trong vụ án thì bị cáo Nông Văn T chỉ là người có vai trò thứ yếu đi cùng để giúp sức cho bị cáo Nguyễn Văn L; khi bị phát hiện các bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải, số lượng ma túy các bị cáo thực hiện mua bán không lớn và chưa kịp thực hiện xong đã bị phát hiện bắt giữ; vì vậy đề nghị áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo các điểm p, e, g khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để xử phạt các bị cáo một mức án thấp nhất để các bị cáo sớm được trở về cộng đồng chăm sóc gia đình.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa;

XÉT THẤY

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn L và Nông Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như cáo trạng đã truy tố, cụ thể như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 10/09/2016, tại Trung Quốc, Nguyễn Văn L nhận của một người tên R 04 (bốn) vỏ hộp sữa và bảo bên trong có 400 gam ma túy đá. R nói với L nếu bán được sẽ cho L 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Sau đó, Nguyễn Văn L rủ Nông Văn T cùng vận chuyển số ma túy đã nói trên về Việt Nam để bán và hứa trả cho T 10.000.000đ tiền công. T đồng ý. Khoảng 17 giờ cùng ngày, L và T đón xe khách từ Trung Quốc về Việt Nam qua cửa khẩu N về nhà nghỉ M số 334, đường Q, phường V, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Tại đây, Nguyễn Văn L thực hiện giao dịch mua bán ma túy với một người L quen qua mạng, tên là N. Sau khi đã thỏa thuận xong, Nguyễn Văn L bảo Nông Văn T mang ma túy xuống công nhà nghỉ giao cho N và nhận tiền, còn L chờ trên phòng. Khi T cầm số ma túy trên xuống đến sân nhà nghỉ ở tầng một thì bị lực lượng công an kiểm tra phát hiện bắt giữ.

Xét, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn L và Nông Văn T thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, vì số lượng ma túy các bị cáo mua bán là chất ma túy Methamphetamine có tổng trọng lượng là 380,16 gam. Các bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự là hoàn toàn phù hợp,

đúng quy định pháp luật, không oan. Xét thấy, các bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức và năng lực hành vi, biết rõ việc mua bán chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lòng nên các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Do đó, cần phải có mức hình phạt thích đáng để có thể giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn bởi khi được đối tượng tên R đặt vấn đề mang ma túy từ Trung Quốc về Việt Nam để bán và hứa trả công 20 triệu đồng, Nguyễn Văn L nhận lời và đã tìm người mua ma túy để bán, sau đó Nguyễn Văn L đã rủ Nông Văn T cùng thực hiện hành vi với thỏa thuận tiền công sẽ được chia đôi mỗi người 10 triệu đồng. T đồng ý và cùng L mang ma túy từ Trung Quốc về đến Việt Nam để bán cho đối tượng tên N không rõ địa chỉ. Trong khi đang chuẩn bị giao nhận ma túy và tiền với đối tượng tên N tại nhà nghỉ M thì bị bắt quả tang; như vậy, trong vụ án này thì vai trò của bị cáo Nguyễn Văn L cao hơn bị cáo Nông Văn T, nên bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo Nông Văn T.

Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thấy:

Về nhân thân, các bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng, các bị cáo ngoài tình tiết định khung, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ, trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, cả hai bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của bản thân nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Do các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng, có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Căn cứ vào Nghị quyết 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì có căn cứ để chấp nhận đề nghị của Luật sư đề xử phạt các bị cáo thấp hơn mức án mà vị công tố đề nghị và bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu mức án cao hơn bị cáo Nông Văn T.

Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh, bị cáo Nguyễn Văn L và Nông Văn T không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng, trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra ngoài thu giữ được ma túy Methamphetamin cùng với dụng cụ cân đong còn thu giữ được của bị cáo Nông Văn T 01 chiếc điện thoại; thu được của Nguyễn Văn L 02 chiếc điện thoại cùng với số tiền là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng). Xét thấy, đối với vật chứng là ma túy, cân tiểu ly không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Đối với vật chứng là điện thoại thu giữ được của Nông Văn T, bị cáo khai báo có sử dụng để liên lạc với Nguyễn Văn L nhưng không bàn bạc trao đổi về việc mua bán ma túy, nên cần trả lại cho bị cáo. Đối với vật chứng là 02 chiếc điện thoại thu của Nguyễn Văn L thì cần trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Sony do không sử dụng vào việc phạm tội, tịch thu hóa giá đối với chiếc điện thoại còn lại. Đối với số tiền 8.500.000đ thu được của Nguyễn

Văn L, L khai nhận đây là số tiền làm thuê mà có, không liên quan đến hành vi mua bán ma túy nên cần trả lại cho bị cáo.

Các bị cáo bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, trong vụ án còn có đối tượng khác, nhưng cơ quan điều tra chưa điều tra xác minh là rõ được, nên Tòa không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

I. Tuyên bố: Các bị cáo **Nguyễn Văn L, Nông Văn T** phạm tội “**Mua bán trái phép chất ma túy**”.

II. Về hình phạt:

1. Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn L 19** (Mười chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam 11/9/2016.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo **Nông Văn T 17** (Mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam 11/9/2016.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

III. Xử lý vật chứng:

Căn cứ điều 41 Bộ luật hình sự và khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

1- Tịch thu, tiêu hủy:

- 01 (một) hộp bìa cát tông được niêm phong dán kín bằng giấy trắng, có chữ ký cùng tên của thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn của Công an phường V, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Tại phần giáp lai mới có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh F, trợ lý giám định J và hình dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự Công An tỉnh Lạng Sơn.

- 01 (một) cân tiểu ly điện tử màu bạc cũ đã qua sử dụng.

2- Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước:

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng –hồng , số IMEI: 862215039122875, máy cũ đã qua sử dụng, màn hình nứt.

3- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn L:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SONY màu đen, số IMEI: 358140061029163, máy cũ đã qua sử dụng, màn hình vỡ.

- 01 (một) phong bì niêm phong của Phòng Cảnh sát hình sự công an Tỉnh Lạng Sơn, có chữ ký cùng tên của những người tham gia niêm phong và các hình dấu của phòng kỹ thuật hình sự Công an Tỉnh Lạng Sơn (Bên trong có 8.500.000đ.)

4- Trả lại cho bị cáo Nông Văn T:

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng, số IMEI: 861076035237070, máy cũ đã qua sử dụng.

(Toàn bộ vật chứng nêu trên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/5/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn)

IV. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Nguyễn Văn L và Nông Văn T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Báo cho các bị cáo biết, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 11/7/2017).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp;
- PC81B, PV27 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Người bào chữa;
- HCTP, KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ; Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Sơn